

POLICIES AND CURENT STATUS OF PREVENTIVE MEDICINE DOCTOR TRAINING IN VIETNAM

Tran Thi Nga, Nguyen Thi Thu Huong, Le Minh Giang, Le Thi Thanh Xuan,

Do Ngan Giang*

School of Preventive Medicine and Public Health, Hanoi Medical University

Received 01 October 2025

Accepted 10 October 2025

Abstract: This study aims to describe key policies and the current status of preventive medicine doctors training in Vietnam. A document synthesis method (descriptive literature review) was employed. The findings indicate that, in terms of policy, regulations on standardized training programs and a national higher education framework for preventive medicine have been issued; however, Decree No. 99/2019/NĐ-CP has not yet specified the professional degree for preventive medicine doctors. Regarding current training practices, numerous challenges remain, including insufficient legal frameworks, limited human resources, inadequate facilities, and lack of appropriate incentive policies. Vietnam currently has ten institutions providing preventive medicine training programs, with curricula ranging from 180 to 225 credits. Training programs have not been regularly updated, and both faculty qualifications and practical training conditions remain insufficient to meet professional requirements. The study highlights the necessity of establishing a unified national curriculum standard, updating degree regulations, and improving the overall quality of preventive medicine doctors training in Vietnam.

Keywords: *preventive medicine, policy, training program, Vietnam.*

* Corresponding author:

E-mail address: dng.6701@gmail.com

<https://doi.org/10.56086/jcvb.v5i4.234>

CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG TẠI VIỆT NAM

Trần Thị Nga, Nguyễn Thị Thu Hương, Lê Minh Giang, Lê Thị Thanh Xuân và
Đỗ Ngân Giang*

Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội

Nhận ngày 01 tháng 10 năm 2025

Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 10 năm 2025

Tóm tắt: Nghiên cứu với mục tiêu mô tả về một số chính sách và thực trạng đào tạo bác sĩ Y học dự phòng tại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu tổng hợp tài liệu (tổng quan mô tả) được sử dụng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Chính sách: Đã có thông tư quy định về chuẩn chương trình đào tạo, đã có quyết định ban hành chương trình khung giáo dục đại học, nhưng Nghị định 99/2019/NĐ-CP chưa quy định văn bằng bác sĩ Y học dự phòng. Thực trạng đào tạo: Đào tạo bác sĩ Y học dự phòng vẫn gặp nhiều khó khăn như thiếu cơ sở pháp lý, nhân lực, cơ sở vật chất và chính sách đãi ngộ. Việt Nam có 10 cơ sở đào tạo bác sĩ Y học dự phòng với chương trình dao động từ 180 đến 225 tín chỉ. Chương trình đào tạo chưa cập nhật, giảng viên và điều kiện thực hành chưa đáp ứng yêu cầu. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự cần thiết của việc xây dựng chuẩn chương trình đào tạo bác sĩ YHDP toàn quốc, bổ sung các quy định văn bằng phù hợp và nâng cao chất lượng đào tạo bác sĩ Y học dự phòng.

Từ khóa: Y học dự phòng, chính sách, chương trình đào tạo, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Chuẩn chương trình đào tạo (CTĐT) của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) ở một trình độ được định nghĩa theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả CTĐT của ngành đó (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực đó), phù hợp với chuẩn CTĐT trình độ tương ứng [1].

Việt Nam có 10 trường đại học (9 trường công lập và 1 trường tư nhân) đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng (BS YHDP). Tuy nhiên, đào tạo BS YHDP gặp nhiều

khó khăn do thiếu cơ sở pháp lý, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và chính sách đãi ngộ. CTĐT giữa 10 trường có sự khác biệt về số tín chỉ, cũng như chất lượng đào tạo chưa đồng bộ.

Nhằm giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo có thêm thông tin về thực trạng đào tạo, CTĐT BS YHDP để xây dựng chuẩn CTĐT ngành Y học dự phòng (YHDP) tại Việt Nam, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu “*Mô tả một số chính sách và thực trạng đào tạo bác sĩ y học dự phòng tại Việt Nam*”.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Chính sách: Các văn bản chính sách còn hiệu lực liên quan đến CTĐT ngành YHDP cấp quốc gia.

Thực trạng CTĐT: Các báo cáo, bài báo, luận văn, luận án, báo cáo hội nghị đến năm 2024 tại Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp tổng quan mô tả

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

1. Thực trạng các văn bản, quy định về CTĐT tại Việt Nam theo trình độ đại học nói chung và bác sĩ YHDP nói riêng?
2. Thực trạng đào tạo bác sĩ YHDP tại Việt Nam như thế nào?
3. Chương trình đào tạo bác sĩ YHDP tại Việt Nam như thế nào?
4. Những thách thức nào trong đào tạo bác sĩ YHDP tại Việt Nam?

2.4. Từ khóa tìm kiếm

Các từ khóa Tiếng Việt được sử dụng: chương trình; đào tạo; Y học dự phòng; khung năng lực quốc gia; Quy định văn bằng; khối lượng kiến thức tối thiểu.

Chương trình đào tạo: theo định nghĩa trong Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới

cấp văn bằng giáo dục đại học cho người học. CTĐT bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam [1].

Y học dự phòng: là việc thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa nhằm nâng cao sức khỏe người dân. Mục tiêu là ngăn ngừa bệnh tật, tàn tật và tử vong [2]. Mục tiêu chính của YHDP là ngăn ngừa bệnh tật, bao gồm dự phòng cấp I (tiêm chủng, cải thiện môi trường), dự phòng cấp II (phát hiện sớm và ngăn ngừa lây lan), và dự phòng cấp III (giảm thiểu tác động của bệnh mãn tính). YHDP đóng vai trò quan trọng trong việc xác định nguyên nhân và đánh giá hoạt động can thiệp. YHDP không chỉ là trách nhiệm của chính phủ và nhân viên y tế mà còn cần sự tham gia tích cực của mỗi cá nhân trong việc chăm sóc sức khỏe [3].

2.5. Nguồn dữ liệu

- Các trang web chính thống về các văn bản quy định như Thư viện pháp luật, Văn phòng Chính phủ, Bộ Y tế, các trường Đại học đào tạo bác sĩ YHDP.
- Các bài thống kê số liệu, tổng kết từ các Hội thảo ngành YHDP

- Các tài liệu tiếng Việt được tìm kiếm trên thư viện số Trường Đại học Y Hà Nội

- Google.

2.6. Tiêu chuẩn lựa chọn và tiêu chuẩn loại trừ

Tiêu chuẩn lựa chọn tài liệu:

- + Các tài liệu có bản toàn văn
- + Thời gian tài liệu trong 10 năm trở lại đây được ưu tiên lựa chọn (2014-2024)
- + Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt và tiếng Anh
- + Các văn bản, chính sách còn thời gian hiệu lực

Tiêu chuẩn loại trừ:

- + Các tài liệu không liên quan đến đối tượng và mục đích nghiên cứu

2.7. Quy trình tổng hợp tài liệu

- + Tìm kiếm, thu thập các tài liệu
- + Rà soát, lựa chọn và loại trừ các tài liệu không đủ tiêu chuẩn
- + Lọc tài liệu theo các bước đọc tiêu đề; sau đó đến đọc tóm tắt và cuối cùng là đọc toàn văn
- + Trích xuất dữ liệu: Các tài liệu được chọn được đưa vào bảng thông tin để trích xuất các thông tin liên quan gồm có: khái niệm liên quan, thực trạng đào tạo, CTĐT, văn bản quy định CTĐT, văn bản quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, văn bản về khung năng lực quốc gia của BS YHDP.
- + Phân tích và tổng hợp dữ liệu

3. Kết quả

3.1. Chính sách đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng

Nghị quyết 20 Hội nghị Trung ương 6 đề cao việc xây dựng một hệ thống y tế “công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập” theo phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh” YHDP được xác định là then chốt, với y tế cơ sở làm nền tảng, kết hợp với y tế chuyên sâu để đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong bối cảnh mới [4]. Quyết định 255/2006/QĐ-TTg nhấn mạnh “dự phòng tích cực, chủ động là nhiệm vụ trọng tâm” và khẳng định cam kết của Nhà nước trong việc đảm bảo nguồn tài chính chủ yếu cho lĩnh vực YHDP, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển hệ thống YHDP [5]. Những định hướng này không chỉ khẳng định vai trò quan trọng của bác sĩ YHDP trong việc ngăn ngừa dịch bệnh mà còn đặt nền móng cho một hệ thống y tế tiên tiến, đồng bộ và toàn diện.

Nghị định 99/2019/NĐ-CP không ghi nhận ngành bác sĩ YHDP trong danh mục văn bằng, chứng chỉ, gây khó khăn về mặt pháp lý. Trong tuyển sinh và tổ chức đào tạo, nhu cầu học ngành này giảm do thu nhập và chế độ đãi ngộ kém hấp dẫn so với các ngành có chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh. Việc thu hút giảng viên cũng gặp khó khăn bởi cạnh tranh cao và học phí

quy định thấp, khó khăn trong hợp tác với các cơ sở thực hành, phạm vi hành nghề chưa rõ ràng [6,7].

Vai trò của bác sĩ YHDP trong hệ thống y tế đã được nhấn mạnh theo thông báo 744/TB-BYT: (1) Nâng cao nhận thức về vai trò của bác sĩ YHDP và cần chú trọng đến công tác đào tạo nhóm nhân lực này; (2) Giải quyết các vấn đề trong quản lý đào tạo, bao gồm nâng cấp bằng cấp thành chuyên sâu, cải thiện CTĐT và xây dựng chuẩn năng lực; (3) Tăng cường chuyên môn bằng việc xây dựng danh mục kỹ thuật và bổ sung các gói dịch vụ YHDP; (4) Cải thiện công tác tuyển dụng và sử dụng nhân lực, xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp và bù đắp thiếu hụt nhân lực cho vùng khó khăn; (5) Đảm bảo nguồn nhân lực đủ và chất lượng cho YHDP thông qua kế hoạch đào tạo và thực hiện chính sách "đào tạo phải đi trước" [8].

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Ở bậc Đại học, ngành bác sĩ YHDP được mở với mã số 7720110 theo Thông tư 24/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn CTĐT các trình độ của Giáo dục Đại học gồm mục tiêu của CTĐT;

Chuẩn đầu ra của CTĐT; Chuẩn đầu vào của CTĐT; Khối lượng học tập; Cấu trúc và nội dung CTĐT; Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập; Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ; Cơ sở vật chất, công nghệ, học liệu. Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn chương trình cho các lĩnh vực và ngành đào tạo; Xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT [1].

Quyết định 20/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 22/4/2008 Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành khoa học sức khỏe trình độ đại học và cao đẳng. Trong đó quy định Khung CTĐT Đại học bác sĩ YHDP [9]. Khung CTĐT với khối lượng kiến thức tối thiểu 318 đơn vị học trình (ĐVHT) với thời gian đào tạo 6 năm. Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu là 41 ĐVHT; Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu gồm môn cơ sở và chuyên ngành là 277 ĐVHT. Kiến thức cơ sở khối ngành 35 ĐVHT, kiến thức cơ sở ngành 85 ĐVHT, kiến thức ngành gồm cả chuyên ngành 147 ĐVHT, thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp 10 ĐVHT.

3.2. Thực trạng đào tạo bác sĩ Y học dự phòng

Trường Đại học Y Hà Nội và trường Đại học Y dược Huế là hai trường đầu tiên đào tạo ngành YHDP vào năm 2006. Hiện nay, có 9 trường Đại học (ĐH) công lập và 1

trường ĐH ngoài công lập đang đào tạo Dược Huế; ĐH Y Khoa Vinh; ĐH Nguyễn
 ngành bác sĩ YHDP: ĐH Y Dược – ĐH Tất Thành; ĐH Y Dược TP Hồ Chí Minh;
 Thái Nguyên; ĐH Y Dược Thái Bình; ĐH ĐH Y Dược Cần Thơ; ĐH Trà Vinh.
 Y Hà Nội; ĐH Y Dược Hải Phòng; ĐH Y

Bảng 1. Số lượng sinh viên ngành Y học dự phòng giai đoạn 2006 - 2020

Trường	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
ĐH Y Hà Nội	31	63	46	32	56	63	46	100	111	88	96	95	64	72	84	1047
ĐH Y Thái Bình		121	67	68	73	87	79	91	57	54	45	0	0	36	57	835
ĐH Y Dược Hải Phòng		45	32	49	78	55	60	55	62	47	51	48	37	24	47	690
ĐH Y Dược Cần Thơ				48	52	87	73	102	106	124	76	89	60	95	100	1012
ĐH Y khoa Vinh										31	48	50	47	17	54	247
ĐH Y Dược Huế	31	26	46	32	56	63	46	100	111	88	96	95	64	72	84	1010
ĐH Y Dược TP HCM			62	68	91	114	122	98	96	105	111	132	100	115	124	1338
ĐH Y Dược- ĐH Thái Nguyên		100	61	48	43	45	70	121	52	76	34	36	41	17	71	815
Tổng cộng	62	355	314	345	449	514	496	667	595	613	557	545	413	448	621	6994

ĐH: Đại học

Nguồn: Báo cáo của Cục Khoa học Công tạo và sử dụng nhân lực y tế dự phòng tại
 nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tại hội thảo Đào Hà Nội năm 2021 [6]

Theo báo cáo của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, số lượng sinh viên nhập học ngành BS YHDP từ 2006 đến 2020 là 6.994 sinh viên. Tính đến năm 2020 đã có 3.344 sinh viên tốt nghiệp ngành BS YHDP [6].

Bảng 2. Số lượng sinh viên, học viên tốt nghiệp theo ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực dự phòng giai đoạn 2010 - 2020

Năm học	Tiến sĩ	BSCKII	Thạc sĩ	BSCKI	BS nội trú YHDP	BS YHDP	CN YTCC	Tổng cộng
2010 - 2011	17	136	321	250	1	0	350	1075
2011- 2012	19	102	369	334	1	31	363	1219
2012-2013	24	152	450	195	0	238	508	1567
2013-2014	35	111	462	168	2	230	476	1482
2014 - 2015	27	110	489	101	0	273	520	1520
2015 - 2016	30	137	740	183	2	524	432	2048
2016-2017	18	131	555	60	1	550	544	1859
2017-2018	24	84	807	157	2	550	565	2189
2018 - 2019	20	45	852	32	2	391	572	1914
2019 - 2020	25	129	744	153	2	557	610	2220
Tổng	239	1137	5789	1633	13	3344	4940	17095

BSCKI: Bác sĩ chuyên khoa I; BSCKII: Bác sĩ chuyên khoa II; BS: Bác sĩ; CN: Cử nhân; YHDP: Y học dự phòng; YTCC: Y tế công cộng

Nguồn: Báo cáo của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế tại hội thảo Đào tạo và sử dụng nhân lực y tế dự phòng tại Hà Nội năm 2021 [6]

Giai đoạn 2010-2020 cho thấy xu hướng phát triển và thay đổi đáng chú ý trong đào tạo nhân lực YHDP. Có 17.095 người đã tốt nghiệp, số lượng Thạc sĩ là cao nhất với 5.789 người, tiếp theo là Cử nhân

Y tế công cộng (YTCC) (4.940) và bác sĩ YHDP (3.344). Điều này phản ánh nhu cầu đào tạo cao ở các cấp học và ngành học khác nhau trong lĩnh vực YHDP. Giai đoạn 2015-2016 và 2017-2018 là hai năm có số lượng tốt nghiệp cao nhất, lần lượt là 2.048 và 2.189 người. Số lượng tốt nghiệp tiến sĩ và bác sĩ chuyên khoa II thấp hơn so với thạc sĩ và cử nhân YTCC [6].

Bảng 3. Phân bố số tín chỉ theo các nhóm học phần

	ĐH Y Hà Nội	ĐH Y Dược Huế	ĐH Y Dược TP HCM	ĐH Y Dược Cần Thơ	ĐH Y Dược Hải Phòng	ĐH Y Dược-ĐH Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Bình	ĐH Y Khoa Vinh	ĐH Trà Vinh	ĐH Nguyễn Tất Thành
Kiến thức chung	41	38	37	19	49	42	55	33	60	47
Kiến thức cơ sở ngành	55	40	25	19	38	54	51	41	40	48
Lâm sàng 4 môn (Nội, Ngoại, Sản, Nhi)	26	18	38	32	24	36	26	24	40	22
Lâm sàng khác	21	24	26	22	25	12	22	21	20	28
Chuyên ngành YHDP	50	36	47	80	62	37	55	60	28	45
Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	4	0	0	0	0	3	0	0	0	0
Tự chọn	6	20	30	8	17	12	0	8	8	12
Tốt nghiệp	11	10	10		10	6	16	12	7	7
Tổng	214	186	213	180	225	202	225	199	203	209

ĐH: Đại học; TP HCM: thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số tín chỉ dao động từ 180 (ĐH Cần Thơ) đến 225 (ĐH Y Hà Nội và ĐH Y Dược TP.HCM), khác nhau trong kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Trường ĐH Y Hà Nội có số tín chỉ cao nhất cho kiến thức chung (41 tín chỉ) và cơ sở ngành (55 tín chỉ), trong khi

Trường ĐH Y Dược Huế có số tín chỉ thấp nhất cho cả hai nhóm này. Về các môn lâm sàng, ĐH Y Dược TP HCM có số tín chỉ cao nhất (38 tín chỉ), trong khi chuyên ngành YHDP cao nhất tại ĐH Cần Thơ (80 tín chỉ). ĐH Y Dược Huế có số tín chỉ tự chọn cao nhất (30 tín chỉ). Số tín chỉ tốt

nghiệp dao động từ 6 đến 16 tín chỉ. Những khác biệt này có thể ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và sự chuẩn bị của sinh viên cho thị trường lao động.

Nghiên cứu của Li năm 2017 tại 6 trường Đại học của Trung Quốc cho thấy cấu trúc chương trình bao gồm 5 phần: kiến thức YHDP cơ bản, kiến

thức y học cơ bản, kiến thức y học lâm sàng, nền tảng YHDP và chuyên ngành, cùng với phần thực hành. Tuy nhiên, chương trình hiện có nhiều môn học lý thuyết hơn là thực hành và phần thực hành chỉ tập trung vào 3 lĩnh vực: kỹ năng lâm sàng, kỹ năng chuyên nghiệp về YHDP và nghiên cứu khoa học [10].

Bảng 4. Phân bổ số tín chỉ của các môn Y học dự phòng

Các môn	ĐH Y									
	ĐH Y Hà Nội	ĐH Y Dược Huế	ĐH Y Dược TP HCM	ĐH Y Dược Cần Thơ	ĐH Y Dược Hải Phòng	Dược-ĐH Thái Nguyên	ĐH Y Dược Thái Bình	ĐH Y Khoa Vinh	ĐH Trà Vinh	ĐH Nguyễn Tất Thành
YHDP	n									
Dịch tễ	6	5	5	5	8	5	7	6	6	7
Truyền thông giáo dục sức khoẻ	5	3	3	4	4	5	4	4	2	2
Nghiên cứu khoa học/Y học dựa vào bằng chứng (EBM)	4	2	2	2	4	6	2	4	5	4
Thống kê	7	4	3	4	4	2	3	5	2	3
Tổ chức quản lý y tế	4	3	2	3	4	2	2	2	2	2
Nhà nước và Pháp luật	2	2	0	0	2	2	2	2	2	2
Kinh tế Y tế	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2

Nhân học và										
Y xã hội học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Dân số	4	2	2	2	2	2	2	2	1	2
Sức khỏe										
môi trường	4	4	2	6	7	8	7	6	2	2
Sức khỏe										
nghề nghiệp	4	4	3	3	6	5	6	5	2	2
Dinh dưỡng	4	4	4	7	7	8	7	5	2	2
Sức khỏe										
sinh sản	2	2	2	2	2	0	2	2	0	2

DH: Đại học; TP HCM: thành phố Hồ Chí Minh

Bảng phân bổ tín chỉ cho các môn YHDP cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các trường. ĐH Y Hà Nội, ĐH Y Dược Hải Phòng và ĐH Y Dược- ĐH Thái Nguyên có số tín chỉ cao hơn cho các môn như Dịch tễ, Nghiên cứu khoa học, và Sức khỏe môi trường so với các trường khác. Các môn như Kinh tế Y tế và Nhân học ít chênh lệch về số tín chỉ, các môn như Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp và Dinh dưỡng lại có sự phân bổ tín chỉ rất khác nhau. Điều này phản ánh sự ưu tiên và cách tiếp cận khác biệt trong chương trình đào tạo YHDP tại các trường.

3.3. Thách thức trong đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng tại Việt Nam

Số lượng nhân lực: Tổng số cán bộ làm công tác y tế dự phòng mới đáp ứng 42% nhu cầu nhân lực cần có. Số nhân lực y tế thiếu hụt khoảng 23.800 người, trong đó bác sĩ YHDP thiếu 8.075 người [11].

Chất lượng nhân lực: Cán bộ y tế có nhu cầu bồi dưỡng trong các lĩnh vực như quản lý, giám sát và nghiên cứu khoa học, với hơn 98% mong muốn học sau đại học [12]. Phản hồi của sinh viên về đào tạo Y học dự phòng của trường Đại học Y dược Thái Nguyên năm 2022 trên 147 sinh viên cho thấy môi trường học tập, cơ sở vật chất, trang thiết bị có ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên [13].

Sử dụng nguồn nhân lực: Nghiên cứu trên 130 nhân viên ngành YTCC tại 5 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long năm 2023 cho thấy định biên nhân lực ở nhiều đơn vị còn thiếu (41,5%) trong khi một số nơi lại thừa (10%). Các khó khăn bao gồm thu nhập thấp, vị trí việc làm chưa rõ ràng, sự thống nhất trong nhận thức của lãnh đạo các đơn vị chưa cao, và phạm vi hoạt động cũng như chứng chỉ hành nghề chưa phù hợp [12].

4. Kết luận và khuyến nghị

Chính sách: Nghị định 99/2019/NĐ-CP chưa quy định văn bằng bác sĩ YHDP. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. Quyết định 20/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/4/2008 Ban hành Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành khoa học sức khỏe trình độ đại học và cao đẳng trong đó có ngành bác sĩ YHDP.

Thực trạng đào tạo: Đào tạo bác sĩ YHDP có tại 10 trường ĐH của Việt Nam (9 trường công lập và 1 trường tư nhân) với số tín chỉ dao động từ 180 đến 225 tín chỉ. Việt Nam chưa xây dựng chuẩn CTĐT bác sĩ YHDP cho toàn quốc. Đào tạo bác sĩ YHDP tại Việt Nam gặp nhiều khó khăn như thiếu cơ sở pháp lý, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và chính sách đãi ngộ. Một số bất cập trong đào tạo như nội dung chưa cập nhật, thiếu cơ sở vật chất và giảng viên, cũng như khó khăn về cơ sở thực tập.

Khuyến nghị

Với Chính Phủ: Bổ sung quy định văn bằng bác sĩ YHDP là văn bằng ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù trong Nghị định 99 từ đó nâng cao vị thế và vai trò của bác sĩ YHDP trong hệ thống y tế.

Với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Xây dựng chuẩn CTĐT cho bác sĩ YHDP toàn quốc.

Với các cơ sở đào tạo: Nâng cao chất lượng giảng dạy như đầu tư cơ sở vật chất và tuyển dụng giảng viên có trình độ cao. Tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tại các cơ sở y tế, giúp họ tiếp cận thực tế và nâng cao kỹ năng.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT chuẩn chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học. Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo; 2021.

[2] American College of Preventive Medicine. What is Preventive Medicine? American College of Preventive Medicine n.d. <https://www.acpm.org/about-acpm/what-is-preventive-medicine> (accessed October 31, 2024).

[3] Clarke EA. What is Preventive Medicine? Can Fam Physician 1974;20:65–8.

[4] Ban chấp hành Trung ương. Nghị quyết 20/NQ-TW 2017 tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân. Hà Nội: Ban chấp hành Trung ương; 2017.

[5] Thủ tướng Chính phủ. Quyết định 255/2006/QĐ-TTg Chiến lược quốc gia y tế dự phòng Việt Nam đến 2010-2020. Hà Nội: Thủ tướng Chính phủ; 2006.

[6] Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo. Thực trạng đào tạo nhân lực Y tế dự phòng Việt Nam. Google Docs 2021.

- https://docs.google.com/presentation/d/1EJbSA2k_0Xlmt1IbOWIVSomUb-WW3gta/edit?usp=drive_web&ouid=113412203544178201848&rtfpof=true&usp=embed_facebook (accessed October 31, 2024).
- [7] Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo. Báo cáo thực trạng đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng. Google Docs; 2023.
- [8] Bộ Y tế. Thông báo 744/TB-BYT ngày 06/06/2023 về Kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Thị Liên Hương tại Hội thảo về công tác đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực Bác sĩ Y học dự phòng. Hà Nội: Bộ Y tế; 2023.
- [9] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quyết định 20/2008/QĐ-BGDĐT Chương trình khung giáo dục đại học Khối ngành Khoa học Sức khỏe trình độ đại học và cao đẳng. Hà Nội: Bộ Giáo dục và Đào tạo; 2008.
- [10] Li Zhao, Ruiou Wang, Junguo Xin, et al. Analysis of the Preventive Medicine Undergraduate Curriculum in China: The West China School of Public Health Experience: A Case Study. *Front Educ.* 2017; Accessed October 31, 2024. <https://www.frontiersin.org/journals/education/articles/10.3389/feduc.2017.00028/full>
- [11] Cổng thông tin Bộ Y tế. Thiếu 23.800 nhân lực y tế dự phòng và những khoảng trống trong đào tạo, sử dụng - Hoạt động của địa phương n.d. https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-dia-phuong/-/asset_publisher/gHbla8vOQDuS/content/thieu-23-800-nhan-luc-y-te-du-phong-va-nhung-khoang-trong-trong-ao-tao-su-dung (accessed October 31, 2024).
- [12] Trần Thị Hiền. Phản hồi của sinh viên ngành Y học dự phòng về thực hiện chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng của Khoa y tế công cộng, trường Đại học Y dược Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược.* 2022;1:168–80.
- [13] Nguyễn Chí Minh Trung, Lê Thành Tài, Phạm Trần Nam Phương và cs. Thực trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực Y tế công cộng và Y học dự phòng tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. *CTUMP.* 2023:237–44. <https://doi.org/10.58490/ctump.2023i66.1768>.

